

Số: /KH-SYT

Ninh Bình, ngày tháng 7 năm 2023

KẾ HOẠCH

Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 06/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2025. Sở Y tế xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

I. Thực trạng công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tại tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 - 2020

1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2016-2020, đã tổ chức nhiều hoạt động tư vấn và cung cấp kiến thức về sức khỏe sinh sản (SKSS), kế hoạch hoá gia đình (KHHGĐ) cho lứa tuổi vị thành niên(VTN), thanh niên (TN), các biện pháp tránh thai và cách chăm sóc SKSS cho bản thân, tránh hậu quả mang thai ngoài ý muốn, nạo phá thai không an toàn ở tuổi vị thành niên (VTN), cụ thể như sau:

- Tại các trường trung học phổ thông (THPT) và trung học cơ sở (THCS) trong toàn tỉnh đã tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, truyền thông tư vấn SKSS, SKTD cho học sinh tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với kiến thức SKSS, SKTD. Thông qua đó công tác tuyên truyền, vận động và tư vấn được triển khai một cách thường xuyên với những chủ đề khác nhau. Kết hợp với việc truyền tải nội dung, kiến thức, các em cũng có được những hoạt động giao lưu vui vẻ, đoàn kết như văn nghệ, đố vui, tìm hiểu về SKSS...

- Từ năm 2010, mô hình tư vấn, kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân và chăm sóc SKSS cho VTN-TN được triển khai thí điểm tại 4 câu lạc bộ, hai điểm cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh và sau đó được nhân rộng ra toàn tỉnh. Đến năm 2020 toàn tỉnh hiện có 12 đơn vị tuyến tỉnh, huyện và 143 trạm y tế xã, phường có lồng ghép điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS cho VTN-TN. Các cơ sở này có góc tư vấn, tài liệu tư vấn và dụng cụ khám cho VTN-TN, các cán bộ y tế đã được tập huấn kiến thức, kỹ năng cung cấp dịch vụ cho đối tượng VTN-TN. Hàng năm có trên 1.000 cặp nam/nữ trước khi kết hôn được tư vấn kiểm tra sức khỏe, tiêm vắc xin phòng Viêm gan B, vắc xin 3 trong 1 (Sởi/Quai bị /Rubella), Uốn ván...

- Cán bộ hệ sức khỏe sinh sản các tuyến được đào tạo cập nhật kiến thức về cung cấp dịch vụ thân thiện VTN-TN, sinh hoạt theo chuyên đề, phòng chống xâm hại tình dục... khám và tư vấn chia sẻ về SKSS, SKTD đảm bảo bí mật riêng tư, không phán xét để VTN-TN dễ dàng tiếp cận dịch vụ.

- Tỷ suất sinh ở nữ VTN (15-19 tuổi) từ 9 ca sinh/1.000 phụ nữ sinh (năm 2016) xuống còn 6 ca VTN sinh/1.000 phụ nữ sinh (năm 2020). Tỷ suất sinh của phụ nữ 15-19 tuổi là chỉ báo khá quan trọng bởi sinh con trước tuổi 20 không chỉ ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe bà mẹ, trẻ em mà còn làm giảm cơ hội giáo dục, phát triển sự nghiệp của phụ nữ. Do đó, giảm tỷ lệ sinh của nhóm nữ vị thành niên luôn là một mục tiêu trong chính sách về sức khỏe, dân số, kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam.

- Tỷ lệ VTN có thai/tổng số phụ nữ có thai có xu hướng giảm nhẹ từ 0,49%(năm 2016) xuống còn 0,47% (năm 2020). Tỷ lệ VTN phá thai/tổng số phụ nữ phá thai cũng có sự giảm từ 0,9% (năm 2016) xuống còn 0,7 % (năm 2020). Hai chỉ số này phần nào phản ánh kiến thức của VTN về SKSS và các biện pháp tránh thai ngày càng được cải thiện từ đó giúp hạn chế việc mang thai ngoài ý muốn ở lứa tuổi VTN - TN. Tuy nhiên, số liệu phá thai này chưa phản ánh được tình trạng phá thai tại tỉnh do việc thu thập số liệu phá thai tại cơ sở y tế tư nhân còn hạn chế.

2. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những thành tích đã đạt được trong giai đoạn 2016-2020, công tác triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản trên địa bàn tỉnh còn gặp một số khó khăn như:

- Nhân lực thường biến động nên tình trạng cán bộ được đào tạo lại không trực tiếp tham gia lâu dài trong cung cấp dịch vụ SKSS, SKTD cho VTN-TN dẫn đến tình trạng thiếu cán bộ được đào tạo chuyên sâu về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN;

- Thiếu kinh phí để duy trì 4 câu lạc bộ, hai điểm cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh;

- Tại trường học, quy định cán bộ y tế trường học có chứng chỉ hành nghề là một rào cản lớn cho việc thực hiện các dịch vụ tại trường học mà có thể được Bảo hiểm y tế thanh toán do rất nhiều trường không có cán bộ y tế đạt trình độ theo yêu cầu. Điều này đã tạo ra những rào cản cho các trường học trong việc cung cấp dịch vụ y tế nói chung và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN nói riêng; Công tác chăm sóc SKSS, SKTD cho thanh niên tại các khu công nghiệp, khu chế xuất còn hạn chế.

II. Mục tiêu giai đoạn 2023 - 2025

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng SKSS, SKTD của VTN-TN thông qua việc đẩy mạnh truyền thông, tư vấn và tăng cường cung cấp dịch vụ chuyên môn kỹ thuật chăm sóc SKSS, SKTD có chất lượng, phù hợp với điều kiện học tập, làm việc và sinh

hoạt của các nhóm VTN-TN, góp phần đưa VTN- TN trở thành một lực lượng lao động khỏe mạnh đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

2. Mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể

TT	Tên mục tiêu, chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu đến năm 2025
1	Mục tiêu 1: Truyền thông vận động nhằm tạo môi trường thuận lợi cho chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.		
	Tỷ lệ huyện, thành phố xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.	%	100
2	Mục tiêu 2: Tiếp tục nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN và các đối tượng liên quan (cha mẹ, thầy cô, cán bộ Đoàn thanh niên...) thông qua các hoạt động truyền thông, giáo dục và tư vấn phù hợp với đặc thù của các đối tượng, ưu tiên trong trường học, khu công nghiệp, khu chế xuất và một số nhóm đối tượng thiết thời.		
2.1	Tỷ lệ VTN-TN có hiểu biết về những nội dung cơ bản trong chăm sóc SKSS, SKTD như tình dục an toàn, các biện pháp tránh thai, hậu quả của mang thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn, phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản/ lây truyền qua đường tình dục/ HIV/AIDS.	%	≥70
2.2	Tỷ lệ các thầy cô giáo, cha mẹ được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.	%	≥ 80
2.3	Tỷ lệ VTN- TN được tiếp cận các cơ sở cung cấp dịch vụ có chất lượng về chăm sóc SKSS, SKTD.	%	≥70
2.4	Tỷ lệ thanh niên lứa tuổi 15-24 có hành vi tình dục an toàn.	%	≥ 60
3	Mục tiêu 3: Tăng cường tiếp cận nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN- TN, đặc biệt là ở các nhóm đối tượng ưu tiên		
3.1	Tỷ lệ các cơ sở chăm sóc SKSS tại tất cả các tuyến thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông, tư vấn về SKSS, SKTD cho VTN- TN.	%	100
3.2	Tỷ lệ các cơ sở chăm sóc SKSS có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN- TN.	%	100
3.3	Tỷ lệ cơ sở chăm sóc SKSS (công lập và tư nhân) tuyến tỉnh, huyện cung cấp thông tin, tư vấn SKSS, SKTD cho VTN- TN; Tư vấn và khám sức khỏe trước khi mang thai	%	100

	cho VTN- TN.		
3.4	Tỷ lệ mang thai ở VTN/tổng số phụ nữ mang thai	%	< 0,7
3.5	Tỷ suất sinh ở VTN		< 9 ca sinh/ 1.000 phụ nữ.
3.6	Tỷ lệ phá thai ở VTN/tổng số phụ nữ phá thai	%	< 1

III. Đối tượng và thời gian thực hiện

1. Đối tượng

- Vị thành niên và thanh niên, trong đó bao gồm các nhóm đối tượng ưu tiên sau:

- + Nhóm VTN trong độ tuổi từ 10 đến 14;
- + Nhóm VTN- TN khuyết tật;
- + Nhóm VTN-TN di cư;
- + Nhóm VTN- TN là người dân tộc thiểu số;
- + Nhóm VTN-TN thanh niên và người trẻ dưới 30 tuổi (là người chưa kết hôn hoặc đã kết hôn) lao động tại các khu công nghiệp;
- + Nhóm VTN-TN có hành vi nguy cơ cao đối với SKSS, SKTD như nhóm sử dụng ma túy và các chất gây nghiện, thanh niên mại dâm, đồng giới (đặc biệt là đồng giới nam).

- Nhân viên y tế tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2. Thời gian thực hiện: Năm 2023 đến hết năm 2025.

IV. Các giải pháp và hoạt động

1. Giải pháp tăng cường truyền thông vận động chính sách và truyền thông thay đổi hành vi

- Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của SKSS, SKTD đối với VTN- TN.

- Huy động các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan truyền thông đại chúng tham gia vào vận động chính sách, nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác chăm sóc SKSS, SKTD của VTN- TN.

- Thực hiện rà soát, cập nhật và triển khai Chương trình giáo dục SKSS, SKTD toàn diện bao gồm cả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông ở một số trường điểm, sinh viên đại học Hoa Lư.

- Đổi mới phương pháp, nội dung truyền thông về sự cần thiết và nhu cầu chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN. Các hoạt động về truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức/thái độ, thay đổi hành vi.

- Tăng cường các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông cho cộng đồng về: (1) Kiến thức về chăm sóc SKSS, SKTD của VTN- TN, đặc biệt là kiến thức và thực hành đúng về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục; (2) Tính sẵn có và địa chỉ các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.

- Cung cấp các tài liệu truyền thông, giáo dục SKSS, SKTD toàn diện cho cán bộ y tế và cộng đồng, chú trọng các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng như báo viết, báo hình, báo nói, báo điện tử. Đặc biệt chú trọng tới ứng dụng các loại hình truyền thông mới như internet, truyền hình tương tác, phát thanh tương tác, mạng xã hội...

- Đào tạo kỹ năng tư vấn và truyền thông trực tiếp cho đội ngũ cung cấp dịch vụ ở các tuyến và truyền thông viên tại cộng đồng. Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ.

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cho mạng lưới chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN

- rà soát, bổ sung, cập nhật và hoàn thiện hệ thống chính sách chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN- TN. Chú trọng sử dụng bằng chứng trong việc xây dựng chính sách, đề xuất can thiệp phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tăng cường năng lực cho mạng lưới chăm sóc SKSS, SKTD về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN- TN tại các tuyến.

- Tăng cường chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và phối hợp hành động giữa các ban ngành, các tổ chức liên quan,...trong việc triển khai các mô hình can thiệp có hiệu quả về chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN- TN.

- Đổi mới phương thức đào tạo liên tục theo hướng đào tạo dựa trên năng lực, đào tạo lấy học viên làm trung tâm. Thử nghiệm chế độ đào tạo cập nhật thường xuyên bắt buộc cho cán bộ y tế trong lĩnh vực chăm sóc SKSS về nội dung chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.

3. Giải pháp đảm bảo tài chính, đổi mới phương thức chi trả nhằm tăng khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN

- Vận động tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước bao gồm cả kinh phí trung ương và địa phương cho chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.

- Vận động chính sách, nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi để chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.

- Vận động các tổ chức, các nhà tài trợ, các đối tác phát triển hỗ trợ nguồn lực và kỹ thuật để chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.

- Huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp trong CSSK cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

4. Giải pháp đảm bảo nguồn nhân lực chuyên ngành và nâng cao năng lực chuyên môn SKSS, SKTD đối với VTN- TN cho y tế các tuyến

- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế đang làm công tác chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN- TN.

- Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu, chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên cho tuyến dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc về nội dung chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN- TN.

5. Giải pháp về cơ sở vật chất và nghiên cứu khoa học, công nghệ

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chăm sóc SKSS, SKTD hướng tới dịch vụ thân thiện có chất lượng cho VTN - TN tại tất cả các tuyến.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, phù hợp trong chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN.

6. Giải pháp nhằm nâng cao tính sẵn có và chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN

- Rà soát cập nhật các tài liệu, hướng dẫn chuyên môn như Hướng dẫn cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN- TN; giáo dục SKSS, SKTD toàn diện cho VTN- TN, lưu ý tới các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Đẩy mạnh sự tham gia của VTN - TN trong xây dựng, triển khai, theo dõi - giám sát - đánh giá các mô hình điểm về cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN - TN.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN- TN, đặc biệt là các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Mở rộng áp dụng các cách tiếp cận mới trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN - TN thông qua các dự án cộng đồng (như phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, khởi nghiệp/hỗ trợ sinh kế, sức khỏe cộng đồng...), các ứng dụng công nghệ thông tin/trí tuệ nhân tạo... nhằm tăng cường tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD ở VTN - TN; nâng cao chất lượng thông tin/dịch vụ và cải thiện sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN - TN trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội từ ngân sách nhà nước, cơ sở y tế tư nhân, các tổ chức phi chính phủ/phi lợi nhuận và các nguồn lực hợp pháp khác.

7. Công tác phối hợp liên ngành

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Ninh Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Ninh Bình, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Tỉnh Đoàn Thanh niên, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố... để nâng cao hiệu quả các hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên ở từng địa phương;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên cho cán bộ, giáo viên làm công tác truyền thông, giáo viên môn sinh học và giáo dục công dân trong trường học.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe SKSS/SKTD toàn diện bao gồm cả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông, sinh viên ở một số trường điểm.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên hằng năm.

8. Giải pháp củng cố và hoàn thiện hệ thống thống kê, theo dõi báo cáo

- Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin và cải thiện chất lượng báo cáo thống kê y tế do tuyến trên tổ chức.

- Tập huấn/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo.

V. Kinh phí

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn Ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch khác có liên quan và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

VI. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Nghiệp vụ Y

- Phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức các hoạt động nâng cao hiệu quả chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên.

- Kiểm tra, giám sát, tổng kết việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch tài chính

Phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật hàng năm xây dựng kinh phí trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Ninh Bình

- Đầu mối, xây dựng và triển khai kế hoạch hàng năm về hoạt động về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN; Phối hợp Phòng Kế hoạch tài chính – Sở Y tế xây dựng kinh phí hàng năm trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế tham mưu các hoạt động phối hợp liên ngành để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác SKSS, SKTD đối với VTN, TN.

- Hướng dẫn, chỉ đạo Trung tâm Y tế triển khai các nội dung, hành động

theo kế hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế tuyến cơ sở đang làm công tác chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN.

- Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu, chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên cho tuyến dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc về nội dung chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN.

- Tập huấn chuyên môn cho cán bộ Y tế các tuyến (*tỉnh, huyện, xã*) về công tác chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên đối với các đơn vị tuyến dưới.

- Đa dạng hóa các phương thức truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng, chú trọng thông tin, truyền thông qua hệ thống cơ sở, cán bộ y tế cơ sở, đoàn thanh niên, trường học, hội phụ nữ...

- Xây dựng các tin, bài tuyên truyền về triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi về chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên trên các phương tiện thông tin đại với nội dung ngắn gọn, dễ hiểu.

- Phối hợp với Đài phát thanh truyền hình, cơ quan truyền thông đại chúng tổ chức tuyên truyền về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên, hiệu quả kinh tế xã hội ...

- Thực hiện tổng hợp báo cáo từ các đơn vị theo định kỳ hoặc đột xuất và báo cáo Sở Y tế theo quy định.

4. Trung tâm Y tế huyện/ thành phố

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện/thành phố xây dựng và triển khai kế hoạch hành động chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên hàng năm tại địa phương.

- Triển khai các hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD cho vị thành niên, thanh niên trên địa bàn huyện/thành phố.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của VTN/TN và thực hành đúng về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục và vận động thể lực phù hợp với từng độ tuổi, nhóm đối tượng...;

- Rà soát các đối tượng là phụ nữ mang thai, bà mẹ có con dưới 2 tuổi trên địa bàn, từ đó tập trung cung cấp thông tin, tuyên truyền dinh dưỡng cho các đối tượng này, đặc biệt là ở những vùng khó khăn;

- Phổ biến kiến thức và kỹ năng truyền thông cho cán bộ y tế, đoàn thanh niên, giáo viên, cán bộ hội phụ nữ các cấp, nhất là cấp cơ sở về chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên.

5. Phòng Y tế các huyện/thành phố

- Tham mưu Ủy ban nhân dân trên địa bàn thực hiện hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD cho vị thành niên, thanh niên trong nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân;

- Phối hợp phòng văn hóa huyện, thành phố đưa các tin, bài tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chăm sóc SKSS, SKTD cho vị thành niên, thanh niên.

VII. Chế độ báo cáo

- Báo cáo năm: trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo đột xuất: Tùy theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế.

Báo cáo gửi về Sở Y tế (*thông qua Trung tâm Kiểm soát bệnh tật*) để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chăm sóc SKSS, SKTD vị thành niên, thanh niên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Sở Y tế yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện và báo cáo kết quả theo quy định./.

Nơi nhận:

- Vụ Sức khỏe BMTE- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng chức năng của Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Phòng Y tế các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NVY.

(L)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Ngọc Quang